

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---&&&---

HỢP ĐỒNG THUÊ GIA CÔNG, SẢN XUẤT SẢN PHẨM

(Số: 01/HDGC-TQ-SK)

- Căn cứ luật thương mại số 36/2015/QH11 ngày 14/06/2005 và luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu SXKD của hai bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 03 năm 2020, chúng tôi gồm có:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Địa chỉ : Tầng 3, tòa G4, chung cư FiveStar Garden, số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 38 38 9666

Mã số thuế : 0108496048

Đại diện : Ông Nguyễn Tư Chuẩn Chức vụ: Tổng giám đốc

Bên B : CÔNG TY TNHH SX-TM TUÝP NHÔM THUẬN QUÂN

Địa chỉ : Lô 12, đường số 9, khu công nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại : (0273) 939 789 Fax: (0273) 761 381

Mã số thuế : 1101788759

Tài khoản : 114000152209 ngân hàng Vietin Bank – Chi nhánh 8.TP.HCM

Đại diện : **Lokok** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất cùng nhau ký kết hợp đồng sản xuất gia công trang thiết bị y tế, vật tư y tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC GIAO DỊCH

1.1. Gia công sản phẩm: Bên B nhận sản xuất gia công các sản phẩm trang thiết bị y tế, vật tư y tế thuộc sở hữu và độc quyền phân phối của Bên A. Bên B phải đảm bảo đã có Phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế do Sở Y tế cấp theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP với phạm vi sản xuất các sản phẩm do Bên A thuê bên B gia công để có năng lực và tư cách pháp nhân để nhận gia công sản xuất sản phẩm cho bên A.

1.2. Chất lượng sản phẩm: Bên B nhận gia công sản xuất sản phẩm của bên A do bên A yêu cầu đặt hàng, Bên B phải đảm bảo sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 và theo tiêu chuẩn sản xuất COA của bên B thống nhất với bên A. Các lô hàng thành phẩm sau khi sản xuất được bên A nghiệm thu về số lượng, chất lượng trước khi đồng ý tiếp nhận, xuất kho. Khi hàng hóa đã lưu thông trên thị trường thì chất lượng sản phẩm hàng

hóa do Bên A chịu trách nhiệm, bên B sẽ phối hợp với bên A giải quyết các vấn đề về chất lượng khi có phát sinh.

1.3. Sở hữu trí tuệ: Bên A là chủ sở hữu của các sản phẩm và Nhãn hiệu hàng hóa mà bên A thuê bên B gia công sản xuất. Mọi quy định liên quan tới quyền sở hữu Nhãn hiệu hàng hóa của bên A tuân theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ. Sau khi sản phẩm lưu hành trên thị trường nếu có bất kỳ tranh chấp, khiếu kiện nào liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết.

1.4. Quảng cáo: Bên A chủ động công tác tiếp thị quảng cáo khi đã được phép quảng cáo của các cơ quan chức năng. Trong trường hợp bên A tự ý quảng cáo mà chưa xin phép hoặc quảng cáo mà không đúng nội dung, thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan chức năng.

1.5. Hóa đơn: Bên B xuất hóa đơn của Bộ tài chính quy định cho bên A.

1.6 Tỷ lệ hao hụt nguyên liệu: Hao hụt 5% khi máy sản xuất chạy đủ 6 ngày / tuần, hao hụt 10% khi máy sản xuất ngưng quá 3 ngày.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

2.1. Đăng ký lưu hành: Bên B chịu trách nhiệm hỗ trợ bên A hoàn thiện các thủ tục đăng ký lưu hành sản phẩm tại Sở Y tế hoặc Bộ Y Tế theo đúng Nghị định 36/2016/ND-CP của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế. Phí đăng ký do bên A chi trả.

2.2. Đặt hàng và nhận hàng: Bên A có trách nhiệm đặt hàng bằng văn bản trước tối thiểu 30 ngày đối với lô sản xuất đầu tiên, 15 ngày đối với lô sản xuất tiếp theo tính từ ngày hai bên ký hợp đồng và nhận toàn bộ lô hàng sau khi bên B sản xuất xong. Các lô hàng thành phẩm sau khi sản xuất được bên A nghiệm thu về số lượng, chất lượng sẽ phải báo cáo kết quả nghiệm thu cho bên B trong vòng 3 ngày.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

3.1. Cung cấp sản phẩm: Bên B chịu trách nhiệm nghiên cứu triển khai sản xuất các mặt hàng theo tiêu chuẩn đã đăng ký, đảm bảo chất lượng sản phẩm và không sản xuất để bán các mặt hàng do bên A sở hữu và độc quyền phân phối cho bất kỳ một đơn vị nào khác đồng thời cũng không sản xuất để tự phân phối ra thị trường nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của bên B.

3.2. Ngừng cung cấp: Bên B có trách nhiệm cung cấp liên tục sản phẩm cho bên A trong thời hạn của Hợp đồng và được đơn phương ngừng cung cấp khi có lý do chính đáng.

ĐIỀU 4: GIÁ CẢ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá cả:

- Chi phí sản xuất sản phẩm được thể hiện trên hóa đơn GTGT khi bên B xuất sản phẩm cho bên A.

- Khi có biến động về giá nguyên phụ liệu, hai bên thống nhất tính lại giá thành sản phẩm dựa trên giá nguyên phụ liệu thể hiện trong bản báo giá. Sự biến động này sẽ được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản từ ngày nhà cung cấp nguyên phụ liệu gửi bản báo giá cho bên B.

4.2. Thời hạn thanh toán:

- Bên A đặt cọc 30% sau khi có SDK và đơn đặt hàng.
- Thanh toán tiếp 30% giá trị đơn hàng trước khi nhận toàn bộ lô hàng.
- Thanh toán 40% giá trị đơn hàng còn lại trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đủ hàng.

4.3. Hình thức thanh toán:

- Chuyển khoản, bù trừ tiền hàng.
- Đơn vị thanh toán: đồng Việt Nam (VNĐ).

ĐIỀU 5: GIAO HÀNG VÀ VẬN CHUYỂN

5.1 Số lượng:

- Bên B có trách nhiệm giao hàng đúng số lượng theo đơn đặt hàng ($\pm 5\%$).
- Chất lượng sản phẩm đảm bảo theo tiêu chuẩn (TCSS) mà bên A đã công bố tại Sở Y tế/Bộ Y tế và các yêu cầu chất lượng sản phẩm bổ sung do bên A cung cấp cho bên B.
- Nếu quá hạn nhận hàng 60 ngày mà bên A vẫn không làm thủ tục nhận hàng, thì bên B sẽ có công văn thông báo nhận hàng và tính phí lưu kho, lãi sử dụng vốn bằng 1% giá trị tồn kho/tháng.

5.2 Thời gian giao hàng:

Thời gian giao hàng không quá 10 ngày dựa trên số lượng thành phẩm của số ca, số ngày sản xuất sản phẩm (2.000sp/ca chưa kể những sự cố phát sinh liên quan đến máy móc, 1ca: 12h)

5.3. Địa điểm giao hàng:

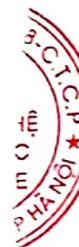
Giao hàng tại kho bên A trong địa bàn khu vực Hồ Chí Minh.

5.4. Chi phí: Công bốc xếp tại kho bên nào bên đấy chịu.

ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

6.1 Đối với hàng hóa:

- Khi nhận hàng bên A có trách nhiệm kiểm tra lại hóa đơn, giá cả, chủng loại, số lượng, chất lượng của lô hàng. Bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến hàng hóa được giao (thừa thiếu hoặc hư hỏng), bên A phải thông báo ngay cho bên B biết bằng văn bản. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao hàng, nếu bên B không nhận được bất kỳ một khiếu nại nào từ bên A, thì hàng hóa coi như đã được nhận đủ và đạt yêu cầu.
- Sau 15 ngày kể từ ngày giao hàng, bên B chỉ nhận thu hồi đối với hàng hóa kém chất lượng với những bằng chứng cụ thể và chính đáng do lỗi của bên B hoặc có thông báo của cơ quan chức năng.
- Khi trả hàng, bên A phải có biên bản thông báo trả lại hàng theo quy định, có hóa đơn xuất trả hàng.



6.2 Đối với giá cả: Nếu có sai sót về giá các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận hàng.

6.3 Bất khả kháng:

Trong trường hợp bất khả kháng được quy định trong luật dân sự thì bên bị cản trở được quyền tạm dừng việc thi hành nghĩa vụ của mình mà không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hậu quả nào gây ra do chậm trễ, hư hỏng hoặc mất mát có liên quan, đồng thời phải thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho bên kia biết về sự cố bất khả kháng đó.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản trong hợp đồng này. Nếu có bất kỳ khó khăn hay thay đổi nào trong sự việc thực hiện hợp đồng, hai bên phải bàn bạc thảo luận để tìm ra giải pháp.

- Bất kỳ sự đơn phương sửa đổi nào trong hợp đồng này đều vô hiệu.

- Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam, nếu có bất cứ tranh chấp nào phát sinh theo hợp đồng mà không thể giải quyết thông qua hòa giải, thương lượng hữu nghị giữa các bên trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu thảo luận, nếu tranh chấp không tự giải quyết được, hai bên phải đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Long An để giải quyết. Mọi phí tổn bên thua chịu. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng để hai bên thực hiện.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30/09/2021. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tư Chuẩn

ĐẠI DIỆN BÊN B



LO KOK